TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DIỄN CHÂU** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 100/2019/QĐST- HNGĐ	*Diễn Châu, ngày 30 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ Phí năm 2015;

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 64/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị Đặng Thị Y, sinh năm 1993.

2. Anh Nguyễn T, sinh năm 1989.

Cùng địa chỉ: Xóm Đ, xã T, huyện D, tỉnh Nghệ An.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về hôn nhân: Chị Đặng Thị Y và anh Nguyễn T kết hôn với nhau vào ngày 20/02/2017 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T huyện D tỉnh Nghệ An trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do cuộc sống vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung vợ chồng không thể tiếp tục. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02/2019 đến nay chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Chị Đặng Thị Y và anh Nguyễn T thống nhất thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Gia B, sinh ngày 03/12/2017. Chị Đặng Thị Y và anh Nguyễn T thỏa thuận giao con chung cho chị Đặng Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Đặng

Thị Y 1.000.000đ/tháng tính từ tháng 7 năm 2019 đến lúc con chung đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản: Chị Đặng Thị Y và anh Nguyễn T không yêu cầu tòa án giải quyết phân chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng.

[4]. Về lệ phí tòa án: Vợ chồng thống nhất thỏa thuận chị Đặng Thị Y chịu lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Thị Y và anh Nguyễn T

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Gia B, sinh ngày 03/12/2017. Giao con chung là Nguyễn Gia B, sinh ngày 03/12/2017 cho chị Đặng Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn T cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Đặng Thị Y 1.000.000đ/tháng tính từ tháng 7 năm 2019 đến lúc con chung đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản: Chị Đặng Thị Y và anh Nguyễn T không yêu cầu tòa án giải quyết phân chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng.

2. Về lệ phí tòa án: Chị Đặng Thị Y thỏa thuận chịu cả 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) lệ phí sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) chị Y đã nộp tại chi cục thi hành án Dân sự huyện Diễn Châu theo biên lai số AA/2018/0004706 ngày 09 tháng 7 năm 2019.

3. Quyền yêu cầu thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Diễn Châu;
- Chi cục T.H.A Diễn Châu;
- UBND xã T, h.Diễn Châu;,
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Nguyễn Đình Lâm